

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ HỆ THỐNG GIẾNG CỔ CHAMPA

ĐỒNG THÀNH DANH

TÓM TẮT

Hệ thống giếng cổ là một loại hình di sản văn hóa độc đáo của người Champa xưa, tồn tại cho đến ngày nay. Bài viết bước đầu khảo tả, giới thiệu về giá trị lịch sử, văn hóa mang đậm bản sắc của người Champa, cũng như công năng thiết yếu của giếng cổ - một hệ thống thủy lợi quan trọng phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp của người Champa.

Từ khóa: giếng cổ; Champa; di sản văn hóa.

ABSTRACT

Old well system is unique cultural heritage of Cham people. The paper initially describes, introduces the historical and cultural values of Cham people, as well as the essential function of old well - irrigation system to daily life, agriculture.

Key words: Old Well; Champa; Cultural Heritage.

1. Mở đầu

Trên dải đất miền Trung Việt Nam, nền văn hóa cổ Champa, đã để lại nhiều công trình, di sản văn hóa có giá trị nổi bật. Nhắc đến Champa, người ta thường nhắc đến những đền - tháp xây dựng bằng gạch, ghi dấu về trình độ bậc thầy của người Champa xưa, từ nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc cho đến các kỹ thuật xây dựng, chế tạo gạch, đá..., nhưng ít ai để ý đến các công trình thủy lợi do người Champa xây dựng - những công trình này vẫn còn tồn tại và chứa đựng trong đó nhiều giá trị, bí ẩn chưa được tìm hiểu, nghiên cứu một cách đầy đủ, như hệ thống đập nước ở Gio Linh (Quảng Trị), đập Maren, đập Nha Trinh (Ninh Thuận)¹...

Trong số các công trình thủy lợi này, hệ thống giếng nước cổ của người Champa cũng có nhiều giá trị nổi bật về khoa học và văn hóa. Người Pháp khi nghiên cứu về Champa thường chú trọng tới đền - tháp và bia ký, mà ít chú ý đến các công trình thủy lợi. Gần đây, nhiều chuyên gia về khảo cổ đã bắt đầu quan tâm đến hệ thống giếng cổ Champa. Sinh thời, giáo sư Trần Quốc Vượng và nhiều cộng sự đã phát hiện một loạt giếng cổ ở gần tháp Khương Mỹ (Quảng Nam) hay ngay gần thành Đồ Bàn (Bình Định)²... Sau đó, nhiều đoàn nghiên cứu tiếp tục phát hiện, khảo sát và nghiên cứu về một

số giếng cổ của người Champa trên khắp các tỉnh miền Trung. Trong đó, nổi bật là sự kết hợp của đoàn nghiên cứu của Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Hà Tĩnh, trong khuôn khổ dự án "Nghiên cứu lịch sử và di sản văn hóa miền Trung" của Viện Viễn đông Bác cổ (tại Hà Nội) vào năm 2012³... Kết quả của dự án mới dừng lại ở việc phát hiện, khảo sát và báo cáo bước đầu, chứ chưa thật sự có một công bố nào thật sự hoàn chỉnh, khái quát, dù chỉ là tiên khởi về hệ thống giếng cổ Champa như các mô hình, chức năng, đặc điểm kỹ thuật cũng như vai trò, giá trị lịch sử - văn hóa của chúng.

2. Hệ thống giếng cổ Champa ở dọc miền Trung

Những ghi chép về cương vực cho thấy, vương quốc Champa trong thời kỳ đỉnh cao có lãnh thổ trải dài từ Quảng Bình đến tận Biên Hòa và có lúc bao gồm cả một phần khu vực cao nguyên⁴. Tuy nhiên, dấu vết của nền văn minh Champa đôi lúc còn có thể vươn xa hơn - đến các vùng lân cận, như những ảnh hưởng Champa mà ngày nay còn tìm thấy ở Hà Tĩnh, hay các tháp gạch Champa ở vùng Tây Ninh. Đó là lý do vì sao chúng ta vẫn còn tìm thấy một số giếng cổ mà giới nghiên cứu khẳng định, những giếng này chịu ảnh hưởng từ hệ thống giếng cổ của Champa, mà ở đây, chúng tôi cũng

xếp các nhóm giếng ở Hà Tĩnh vào hệ thống giếng cổ Champa.

Ở Hà Tĩnh, các giếng cổ Champa được tìm thấy rải rác ở các huyện Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh... Trong đó, ở Lộc Hà có một giếng ở thôn Mai Lâm, xã Mai Phụ (kích thước lòng giếng (130 x 130) cm; thành giếng cao 95cm; từ mặt đất đến mép trên khung gỗ 175cm; khung gỗ cao 52cm). Tại huyện Cẩm Xuyên, các giếng được tìm thấy ở thôn Bắc Mỹ Lộc, Cẩm Huy (lòng giếng có kích thước (120 x 120) cm, thành giếng cao 70cm; từ mặt đất đến mép trên khung gỗ 120cm; từ khung gỗ đến đáy có khẩu độ khoảng 45cm) và thôn Hữu Quyền, Cẩm Huy (gồm 3 giếng khác nhau, là giếng Đá, Chòm và Thềm, đều có kiểu cấu trúc như nhau: hình vuông, sâu khoảng 3 - 4 (m), rộng 2m). Riêng tại Kỳ Anh còn khoảng 50 giếng, tập trung nhiều nhất ở các xã: Kỳ Ninh, Kỳ Lợi, Kỳ Long, Kỳ Xuân, Kỳ Thịnh và Kỳ Giang...

Tại Quảng Trị, nổi bật có nhóm giếng tại huyện Gio Linh, tập trung chủ yếu ở các xã Gio Sơn (giếng Hùng, Đà, Đa), Gio Hòa (giếng Máng), Gio Bình... và Hải Thái (giếng Chuộc). Đặc biệt, tại xã Gio An, hiện còn khoảng 30 giếng cổ, có niên đại đến hàng ngàn năm, trong đó, có đến 14 giếng (giếng Côi, Dưới, Bùng, Trạng, Đào thuộc thôn An Nha; giếng Gái 1, Gái 2, giếng Nậy thuộc thôn An Hương; giếng Tép, Ông, Bà, Gai thuộc thôn Hảo Sơn; giếng Máng thôn Long Sơn và giếng Phen, thôn Tân Văn) đã được xếp hạng di tích quốc gia. Mở rộng vùng khảo sát, chúng ta còn thấy nhiều giếng ở Vĩnh Linh và Cam Lộ - Đây là những giếng đôi, có quy mô nhỏ hơn và số lượng ít hơn hệ thống giếng ở Gio Linh.

Tại Quảng Nam, giếng Champa cổ tập trung chủ yếu ở Hội An, với số lượng khoảng 80 giếng, mỗi giếng cách nhau từ 50 - 100 (m), có giếng chỉ cách nhau từ 6 - 10 (m). Hầu hết các giếng tập trung ở bờ Bắc sông Đế Võng, trong khu phố cổ, nổi tiếng nhất trong số này là giếng Bá Lễ, giếng Mái (gần chợ Hội An), giếng Đá (Trà Quế). Ngoài ra, còn có các giếng nằm rải rác tại tháp Khương Mỹ, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, hay giếng cổ tại xã đảo Tam Hải, Núi Thành... Riêng tại Đà Nẵng, hiện có 6 giếng vẫn còn sử dụng, gồm 1 giếng ở phường Khuê Trung (quận Cẩm Lệ), 1 giếng ở phường Bình Hiên (quận Hải Châu) và 4 giếng ở địa bàn làng cổ Nam Ô (nay thuộc phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu).

Ngoài ra, dọc theo miền Trung, từ Quảng Nam đổ về Nam, chúng ta còn bắt gặp rải rác các giếng Champa, chẳng hạn như giếng Vua (còn gọi là giếng Xóa La hay giếng Thầy Tu) ở đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi, hay giếng cổ được phát hiện năm 1997, khi khai quật thành Đồ Bàn (Bình Định), nơi trước đây từng là kinh đô Champa trong nhiều thế kỷ. Chúng ta còn tìm thấy những giếng Champa ở Ninh Thuận, như giếng Hòn Đò, giếng đôi ở làng Thành Tín, mà ngày nay người Chăm vẫn sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày⁵.

3. Một số đặc điểm của hệ thống giếng cổ Champa

Giếng cổ Champa rất đa dạng về cấu tạo và mô hình, nhưng theo chúng tôi, có thể phân chia thành hai nhóm lớn: nhóm I, phổ biến là các giếng được xây bằng đá, hoặc bằng gỗ (như ở Ninh Thuận) để lấy nước ngầm trong lòng đất, loại này tập trung chủ yếu ở Hà Tĩnh, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định và Ninh Thuận; nhóm II, chủ yếu phổ biến ở Quảng Trị, là các giếng không cần xây hay đào, mà lợi dụng các dòng nước suối, nước chảy lộ thiên, sử dụng đá để ngăn các dòng nước này tạo thành các vũng, các mương nhỏ.

Đặc điểm chung của nhóm I là có hình vuông, được xây bằng đá (đá cuội, đá ong...), có giếng được xây bằng những phiến đá thô, có nơi đá được mài, đẽo rất công phu, vuông vắn. Những phiến đá được xếp chồng lên nhau, không có vữa để tạo khe hở cho các nguồn nước mạch ngầm vào lòng giếng. Đáy giếng xây bằng đá, thường có một khung gỗ hình vuông. Giếng loại này thường sâu từ 1 - 8 (m), tùy theo địa hình cao, thấp của từng vùng, mực nước chỉ cao từ 2 - 3 (m), nhưng không bao giờ cạn, nước luôn trong và ngọt.

Ngoài ra, còn có một số giếng đặc biệt ở Ninh Thuận, được dựng hoàn toàn bằng gỗ, tạo khe hở để nước dâng lên và chảy ra ngoài cho người dân sử dụng. Riêng cặp giếng tại Thành Tín (Ninh Thuận), được dựng ba giàn gỗ cao, bao bọc xung quanh các hướng Đông, Tây, Nam. Tại mặt hướng Bắc đặt các khung gỗ thấp hơn, có khe hở rộng (gọi là miệng giếng), để nước mạch tràn và chảy ra bên ngoài, đi theo một con mương dài 20m. Hai bên mương có kè đá để chống xói mòn và sạt lở. Hệ giếng đôi này có nhiều công năng, giếng Đục dùng để tế thần, giếng Cái thì chia ra ba phần, phần nước trong lòng giếng dùng để uống,



Giếng Đào (Gio An, Quảng Trị) - một loại hình giếng máng - Ảnh: Tác giả cung cấp

bên ngoài miệng giếng để tắm giặt, rồi đến phần nước cho trâu, bò uống, cuối cùng nước chảy ra mương để tưới tiêu ruộng đồng⁶.

Khác với đặc trưng của giếng Champa vừa đề cập, đặc điểm chung của các giếng cổ do người Việt xây dựng, được phát hiện khi khai quật khu di tích Hoàng thành Thăng Long và các giếng ở quanh vùng Bắc Bộ, là các giếng tròn, được xây bằng gạch, trừ một số trường hợp đặc biệt, miệng giếng tròn, được xếp bằng đá, phía dưới có khung gỗ vuông, như ở Đan Phượng, Hà Nội - Có thể đây là biểu hiện của sự giao lưu văn hóa Việt - Chăm khi xưa?.

Ngày nay, ở các vùng Hà Tĩnh, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, người ta đã tìm thấy bốn loại giếng: miệng vuông, đáy vuông; miệng tròn, đáy vuông; miệng vuông, đáy tròn; miệng tròn, đáy tròn. Loại đầu tiên chính là giếng cổ Champa, được sử dụng mà không cần cải tạo. Loại thứ hai, có thể do người Việt tiến hành cải tạo lại trên nền giếng Champa, xây thêm các miệng giếng hình tròn. Với loại giếng thứ ba, có thể là giếng vuông Champa, sau này người Việt đã xây lại thành giếng hình tròn hoặc lồng các bi giếng ở dưới lòng giếng vuông, mà vẫn giữ nguyên miệng giếng Champa. Loại thứ tư có hai trường hợp: thứ nhất, có thể là giếng vuông Champa được cải tạo lại miệng giếng; thứ hai, đó



Một loại giếng bi ở Gio An, Quảng Trị -

Ảnh: Tác giả cung cấp

là các giếng do người Việt mới đến xây hoặc đào, không liên quan gì đến Champa.

Nhóm II, thường là những công trình lợi dụng các dòng nước lộ thiên, các dòng nước ngầm chảy từ lòng núi, hoặc các dòng suối từ trên núi chảy xuống, người ta sử dụng các phiến đá xếp lại để ngăn dòng, trữ nước, phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất. Nhóm giếng này có thể phân làm ba loại: giếng máng, ao và bi. Giếng máng là các giếng gồm nhiều tầng đá, trong đó có một bể lắng ở phía trên, nước được dẫn qua máng, chảy xuống bể chứa để sử dụng. Giếng ao là các giếng được đào thành ao ngang mạch nước ngầm, đá được kê xung quanh, tạo thành một bể chứa rồi có một

đường dẫn ra ruộng đồng. Cuối cùng là giếng bi, với các bi giếng hình trụ, tròn khum giống tang trống, được chế tác từ đá bazan nguyên khối, để chứa các mạch nước ngầm và tạo một lỗ tròn, khi nước dâng lên tràn qua lỗ, sẽ chảy ra một mương dẫn, được kê đá hai bên...

So với giếng Champa ở các địa phương khác, các giếng ở Quảng Trị có nhiều khác biệt, đó là những công trình ngăn nước bằng đá xếp, chứ không được xây hay đào như các giếng thông thường, vì thế, nhiều người gọi là đập nước, nhưng so với những đập nước ngăn sông có quy mô lớn ở Ninh Thuận - Bình Thuận, thì hệ thống thủy lợi ở Quảng Trị chỉ là các đập ngăn mạch nước ngầm hay nước suối từ thượng nguồn chảy xuống. Do đó, việc gọi là đập cũng cần phải xem xét lại.

Cũng vì những khác biệt này, mà các công trình thủy lợi ở Quảng Trị nói chung không được xem là của người Champa. Các học giả người Pháp như M. Colani, L. Bezacier⁷ cho đó là một sản phẩm tiền Champa, trong khi Tạ Chí Đại Trường⁸ lại cho nó là sản phẩm của người Việt thời Nguyễn Hoàng. Ngày nay, giới khảo cổ học thống nhất nhận định, niên đại của những công trình thủy lợi này là khoảng 2000 năm trước, nhưng vấn đề chủ nhân của những công trình này là ai thì cần khảo cứu thêm, tuy nhiên, có thể tin rằng, các công trình này đã được người Champa và sau đó là người Việt, thừa hưởng, cải tạo và sử dụng cho đến ngày nay.

Những hệ thống thủy lợi ở Quảng Trị cũng có các chức năng sử dụng đa dạng như các giếng Champa ở Thành Tín, Ninh Thuận. Theo đó, giếng được phân ra làm nhiều phần, phần đầu để uống, phần sau để tắm giặt, phần tiếp theo để trâu, bò đến uống và phần cuối cùng thì được chảy ra mương dẫn để tưới cho ruộng đồng. Hệ thống giếng ở Quảng Trị cũng được phân ra giếng Nam - Nữ, tương tự giếng Đục- Cái ở Thành Tín. Nếu ở Thành Tín, giếng Đục là giếng thiêng, chỉ lấy nước để tế lễ, giếng Cái là giếng phục vụ cho sinh hoạt, thì ở Quảng Trị, giếng Nam chỉ dùng cho nam giới và giếng Nữ chỉ dùng cho nữ giới.

4. Vai trò của hệ thống giếng cổ Champa

Giếng cổ Champa, cùng với những đập thủy lợi, cung cấp nước cho các hoạt động nông nghiệp của người Champa xưa - nay và người Việt, nhất là các hệ giếng ở Quảng Trị và Ninh Thuận. Chính nhờ các hệ thống dẫn thủy nhập điền và việc sáng tạo ra

giếng lúa Chiêm, có khả năng chịu hạn cao, mà người Champa đã xây dựng được một nền nông nghiệp tự chủ, vượt qua những giới hạn về tự nhiên của khu vực miền Trung vốn nổi tiếng là khô hạn và khắc nghiệt. Sự xuất hiện của những công trình thủy lợi, mà hệ thống giếng là một phần, cho thấy Champa cũng từng là một tộc người có nghề trồng lúa phát triển không thua kém các dân tộc khác ở Đông Nam Á⁹.

Giếng nước cổ có vai trò rất quan trọng trong sinh hoạt của người dân, giếng nước Champa không bao giờ cạn và luôn trong, ngọt, kể cả các giếng gần biển hay các vùng nước mặn, trong số này đặc biệt có giếng Vua ở Lý Sơn (Quảng Ngãi) - Giếng nằm ngoài đảo, rất gần biển nhưng không bao giờ bị nhiễm mặn, dù xung quanh đó cũng có những giếng mới đào nhưng luôn bị nhiễm mặn. Do đó, các giếng cổ Champa luôn là một phần thiết yếu trong đời sống của người địa phương, giúp đảm bảo nguồn nước liên tục, kể cả trong những lúc khô hạn nhất. Có lẽ, cũng vì vậy mà nhiều giếng cổ được gọi là giếng thần hay giếng thiêng, thậm chí, người dân địa phương ở Hội An quan niệm, giếng được cai quản bởi thần giếng, vì vậy mà ngày nay, ở đây vẫn còn lưu giữ tục thờ thần giếng, như một phần quan trọng trong tín ngưỡng của địa phương.

Hơn nữa, các giếng cổ Champa còn có một vai trò thiết yếu trong hoạt động thương mại và mậu dịch ở khu vực Đông Nam Á. Trong lịch sử, Champa nổi tiếng về thương mại trong khu vực, là nơi dừng chân của các thương thuyền nước ngoài tại các thương cảng, như: Thị Nại, Hội An, ... Trong bối cảnh đó, các giếng Champa cũng là nơi cung cấp nguồn nước ngọt cho các tàu buôn nước ngoài đến Champa. Nhiều tư liệu ghi chép về hải trình của các tàu, thuyền thương mại đến từ Trung Hoa, Ba Tư, Ả Rập, hay các nước phương Tây, vẫn thường nhắc đến các giếng Champa với nguồn nước rất trong, ngọt và không bao giờ cạn, dù được đào ở dọc các cồn cát ven biển¹⁰...

Với những vai trò như vậy, giếng cổ Champa đã trở thành một hệ thống "nước" có chức năng sử dụng đa dạng, từ sinh hoạt, thủy lợi đến cả "xuất khẩu" (như cách mà cố GS. Trần Quốc Vượng gọi¹¹). Để có thể xây dựng được những phức hệ giếng cổ này, đòi hỏi người xưa cần phải nắm vững những kiến thức về kỹ thuật thủy lợi, khả năng am tường

về thổ nhưỡng, phong thủy, để có thể chọn được những nguồn nước mạch, ngọt trong lòng đất, kể cả những vùng cồn cát, hải đảo ven biển, mà ngày nay kỹ thuật của chúng ta cũng chưa chắc đạt được. Trong ý nghĩa đó, hệ thống giếng cổ Champa thật sự là một trong những thành tựu nổi bật của một nền văn minh từng tồn tại trên lãnh thổ Việt Nam, hơn thế nữa, sự thừa hưởng và tiếp nối các giá trị văn minh này sẽ là một phần hữu ích trong sự phát triển hiện nay.

5. Kết luận

Tim hiểu về hệ thống giếng cổ Champa không chỉ là tìm hiểu về các yếu tố khoa học, kỹ thuật hay thủy lợi mà còn tìm hiểu về lịch sử - văn hóa của người xưa dưới cái nhìn của khảo cổ học lịch sử. Qua đó, chúng ta sẽ có một cái nhìn mới về nền văn minh Champa, một nền văn minh trước đây vẫn luôn được biết đến với những công trình nghệ thuật bằng gạch phục vụ cho tôn giáo. Trong khuôn khổ của một bài viết có tính chất khái lược và sơ khởi, chúng tôi chỉ dừng lại ở công việc thống kê, khảo tả sơ lược về hệ thống giếng cổ Champa ở miền Trung Việt Nam, những chỉ dấu ban đầu, đồng thời, nêu lên một số đặc trưng chung nhất của hệ thống giếng này và cuối cùng, nhấn mạnh đến vai trò của giếng cổ để chứng minh ý nghĩa của nó đối với sự hình thành nền văn minh Champa. Trên tinh thần đó, vượt trên các giá trị về lịch sử và văn hóa, hệ thống giếng cổ Champa như còn để lại cho hôm nay bài học giá trị về sự phát triển bền vững./.

Đ.T.D

Chú thích:

1- M. Colani, "Anciennes irrigations et bassins dans le Do-
linh (Quang-tri)", *Cahiers de l'Ecole Française d'Extrême-Orient*
(E.F.E.O) 10-1 (1937), pp. 18 - 19; M. Colani, "Emploi de la
pierre en des temps reculés: Annam, Indonésie, Assam", trong
BAVH XXVII-1, (1940), pp. 1 - 250; Nhiều tác giả, *Lễ nghi nông
nghiệp truyền thống của người Chăm - Raglai*, Nxb. Nông
nghiệp, H, 2010.

2- Trần Quốc Vượng, "Từ cái nhìn thánh địa Mỹ Sơn", trong
Kỷ yếu Hội thảo khoa học về di tích Mỹ Sơn, Quảng Nam, tháng
9/1998, tr. 38.

3- Dẫn theo: <http://baohatinh.vn/doi-song-van-hoa/gieng-co-ha-tinh-dau-an-van-hoa-cham-pa/>

4- T. Quach-Langlet, "Le cadre historique de l'ancien
Campa", *Actes du séminaire sur le Campa organisé à l'Université
de Copenhague*, Paris (Travaux du CHCPI) 1988, pp. 27 - 47.

5- Sakaya, "Một ngày với giáo sư Trần Quốc Vượng", *Tập
san Tagalau II*, Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số,
H, 2001, tr. 68.

6- Sakaya, *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Champa*, Nxb. Tri
thức, H, 2013, tr. 24.

7- M. Colani, "Emploi de la pierre en des temps reculés:
Annam, Indonésie, Assam", *sđđ*, pp. 59; L. Bezacier, *Le Viet Nam*,
tập 1, Paris, 1972, pp. 252 - 253.

8- Tạ Chí Đại Trường, *Những bài dã sử Việt*, Nxb. Tri thức, H,
2014, tr. 118 - 120.

9- G. Maspero, *Le Royaume de Champa*, Van Oest, Paris,
1928, pp. 33 - 34 ; P-B. Lafont, *Vương quốc Champa: địa dư - dân
cư - lịch sử*, IOC - Champa ấn hành, San Jose, 2011, tr. 105 - 106.

10- Trần Quốc Vượng, *sđđ*, tr. 38; Sakaya, *Tiếp cận một số
vấn đề văn hóa Champa, sđđ*, tr. 526 - 527.

11- Trần Quốc Vượng, *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*, Nxb.
Văn hóa dân tộc, H, 1998, tr. 323.

Tài liệu tham khảo:

1- Bezacier. L, *Le Viet Nam*, tập 1, Paris, 1972.

2- Colani. M, "Anciennes irrigations et bassins dans le Do-
linh (Quang-tri)", *Cahiers de l'Ecole Française d'Extrême - Orient*
(E.F.E.O) 10 - 1 (1937), pp. 18 - 19.

3- Colani. M, "Emploi de la pierre en des temps reculés:
Annam, Indonésie, Assam", trong *BAVH XXVII-1*, (1940), pp. 1 -
250. Lafont. P-B, *Vương quốc Champa: địa dư - dân cư - lịch sử*,
IOC - Champa ấn hành, San Jose, 2011.

4- Maspero. M, *Le Royaume de Champa*, Van Oest, Paris,
1928.

5- Nhiều tác giả, *Lễ nghi nông nghiệp truyền thống của
người Chăm - Raglai*, Nxb. Nông nghiệp, H, 2010.

6- Quach-Langlet. T, "Le cadre historique de l'ancien
Campa", *Actes du séminaire sur le Campa organisé à l'Université
de Copenhague*, Paris (Travaux du CHCPI) 1988, pp. 27 - 47.

7- Sakaya, "Một ngày với giáo sư Trần Quốc Vượng", *Tập san
Tagalau II*, Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số, H, 2001.

8- Sakaya, *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Champa*, Nxb. Tri
thức, H, 2013.

9- Tạ Chí Đại Trường, *Những bài dã sử Việt*, Nxb. Tri thức,
H, 2014.

10- Trần Quốc Vượng, "Từ cái nhìn thánh địa Mỹ Sơn", trong
Kỷ yếu Hội thảo khoa học về di tích Mỹ Sơn, Quảng Nam, tháng
9/1998.

11- Trần Quốc Vượng, *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*, Nxb.
Văn hóa dân tộc, H, 1998.

(Ngày nhận bài: 29/7/2016; ngày phản biện đánh giá:
05/8/2016; ngày duyệt đăng bài: 29/08/2016).